TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu.
2. Bà Phạm Thị Cung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Lê Q, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Cao M, sinh năm: 1993.

ĐKHKTT: Thôn X, xã H, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở và nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Vạn Phúc, số 44B/49 Đường N1, khu phố Z, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, bản tự khai ngày 12/12/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị Lê Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Cao M kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính

cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, anh M còn chơi bời, nợ nần nhiều, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân giữa năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Hạ V, sinh ngày 30/5/2019 và cháu Hoàng Lê Gia B, sinh ngày 30/12/2020. Các cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con. Chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/cháu/tháng, kể từ tháng 4/2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là anh Hoàng Cao M đã đi làm tại Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Vạn Phúc, số 44B/49 Đường N1, khu phố Z, phường C, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ địa chỉ nguyên đơn cung cấp, ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 16/2022/QĐ-UTTA, ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thu thập chứng cứ. Tại bản tự khai ngày 21/02/2023, anh Hoàng Cao M trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Lê Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Q xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Hạ V, sinh ngày 30/5/2019 và cháu Hoàng Lê Gia B, sinh ngày 30/12/2020. Anh đồng ý giao cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Lê Thị Lê Q được ly hôn với anh Hoàng Cao M. Về con chung: Giao cháu Hoàng Lê Hạ V, sinh ngày 30/5/2019 và cháu Hoàng Lê Gia B, sinh ngày 30/12/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/cháu/tháng. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về tài sản chung và công nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa chị Q và anh M là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Anh M có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Q và anh M đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2021. Trên cơ sở trình bày của đương sự và xác M tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Chị Q và anh M đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q xin ly hôn, anh M đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh M.

[4] Về con chung:

Chị Q và anh M có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Hạ V, sinh ngày 30/5/2019 và cháu Hoàng Lê Gia B, sinh ngày 30/12/2020. Chị Q có nguyện vọng được nuôi 02 con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị

Q là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Chị Q có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Hai con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, anh M cũng đồng ý giao 02 con cho chị Q nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của hai bên, giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/cháu/tháng. Anh M đồng ý mức cấp dưỡng mà chị Q đưa ra. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng chị Q yêu cầu là phù hợp, nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung:

Chị Q và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Q khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Lê Q được ly hôn anh Hoàng Cao M.

2. Về con chung:

Chị Q và anh M có 02 con chung. Giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Hoàng Lê Hạ V, sinh ngày 30/5/2019 và cháu Hoàng Lê Gia B, sinh ngày 30/12/2020.

Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu, cả 02 cháu là 4.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4/2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Lê Thị Lê Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định,

theo Biên lai thu số AA/2021/0003674 ngày 28/11/2022. Chấp nhận chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Hoàng Cao M phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng.

5. *Quyền kháng cáo*: Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND thị trấn L, Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung